

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2022/DS-ST

Ngày 26-04-2022

V/v tranh chấp: “tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang T.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị K.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Dg – Thư ký Tòa án nhân dân huyện DChâu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa bà Hoàng Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 tranh chấp về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-ST ngày 11 tháng 4 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: anh Trần Công B, sinh năm 1963.(có mặt)

Trú tại: khối 4, thị trấn DChâu, huyện DChâu, tỉnh N An.

- Bị đơn: ông Tăng Ngọc H, sinh năm 1979 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1985 (đều vắng mặt).

Trú tại: xóm 1, xã D Hạnh, huyện D Châu, tỉnh N An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2021, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Trần Công B trình bày:

Vào ngày 30/6/2020 ông Tăng Ngọc H và bà Ngô Thị H vay của tôi số tiền là 533.380.000 đồng. Việc vay mượn hoàn toàn tự nguyện, có viết giấy vay nợ với nội dung thỏa thuận: ông H và bà H vay của ông Biên 533.380.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất mỗi tháng trả một lần, và chớ thế chấp bìa đỏ số hiệu BN103714 cấp cho ông H và bà H. Thời hạn vay nợ là đến ngày 30/10/2020. Đến ngày 30/10/2020 ông Biên đã nhiều lần yêu cầu ông H và bà H trả nợ nhưng ông H và bà H không trả. Vì vậy ông B làm đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Tăng Ngọc H và bà Ngô Thị H trả toàn bộ số tiền là 533.380.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 01/01/2021 cho đến nay với lãi suất là 1,8%/tháng. Tại phiên tòa ông B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện DChâu buộc ông H và bà H trả số tiền gốc là 533.380.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày ngày 01/01/2021 đến nay với lãi suất là 1%/tháng.

- Đối với bị đơn ông Tăng Ngọc H và bà Ngô Thị H: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương ông Tăng Ngọc H và bà Ngô Thị H hiện Đăng ký Hộ khẩu thường trú xóm 1, xã D Hạnh, huyện D Châu, tỉnh N An. Hiện tại ông H và bà H không có mặt tại địa phương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H và bà H để ông H và bà H đến Tòa án nhân dân huyện D Châu giải quyết việc ông Trần Công B yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà H trả nợ nhưng ông H và bà H đều vắng mặt không có lý do.

Dại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468, 469 và điều 688 BLDS;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc ông Tăng Ngọc H và bà Ngô Thị H có nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền là 613.382.225 đồng (sáu trăm mười ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng) (bao gồm 533.380.225 đồng tiền gốc và 80.002.000 đồng tiền lãi) cho ông Trần Công B.

Án phí: bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa ông B, ông H và bà H là tranh chấp về “hợp đồng dân sự” và quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Ngô Thị H và ông Tăng Ngọc H có địa chỉ cư trú tại xóm 1, xã D Hạnh, huyện D Châu, tỉnh N An. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D Châu, tỉnh N An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: bị đơn ông Hữu và bà Hà đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà H theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Giấy vay tiền được ký kết ngày 29/6/2020 và thời hạn vay đến ngày 30/10/2020. Đến ngày 30/10/2020 sau nhiều lần ông Biên yêu cầu ông H và bà H trả nợ nhưng ông H và bà H không trả nợ như đã thỏa thuận. Vì vậy ngày 06/01/2021 ông B nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện D Châu buộc ông H và bà H trả nợ là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 BLTTDS.

Về nội dung:

[4] Giao dịch dân sự cho vay tài sản giữ ông B và ông H, bà H xuất phát từ ngày 29/6/2020. Số tiền ông B, bà H và ông H thống nhất vay là 533.380.000 đồng và có thỏa thuận lãi suất. Thời hạn vay là đến ngày 30/10/2020 các bên vay và cho vay có lập hợp đồng vay tiền. Như vậy việc vay nợ giữa hai bên là có thật, có tự nguyện. Đến ngày trả nợ mà ông H và bà H chưa trả được tiền gốc và tiền lãi cho ông B. Vì vậy việc khởi kiện của ông Biên là có căn cứ. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B về việc buộc ông H và bà H trả toàn bộ số nợ gốc là 533.380.225 đồng. (năm trăm ba mươi ba triệu ba trăm tám mươi nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng).

[5] Xét về tiền lãi ông B yêu cầu thì thấy: Việc thỏa thuận lãi suất giữa hai bên là 23.985.000 đồng/ tháng là 4,5%/tháng quá cao so với quy định của nhà nước. Tại phiên tòa ông B chỉ yêu cầu ông H và bà H trả tiền lãi với lãi suất là 1%/ tháng. Thấy việc thỏa thuận tiền lãi của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và có thật nên việc ông Biên chỉ yêu cầu ông H và bà H trả tiền lãi với lãi suất là 1%/ tháng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy Tòa án chấp nhận lãi suất là 1%/ tháng. Cụ thể số tiền lãi ông H và bà H phải trả cho ông B là $1\% \times 533.380.225 \times 15 \text{ tháng} = 80.002.000$ đồng (tám mươi triệu không trăm linh hai nghìn đồng).

[6] Từ phân tích ở mục [4] và mục [5] có căn cứ buộc ông H và bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông B tổng số tiền là 613.382.225 đồng (sáu trăm mười ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng) (bao gồm 533.380.225 đồng tiền gốc và 80.002.000 đồng tiền lãi).

[7] Về án phí: ông B và bà H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc ông Tăng Ngọc H và bà Ngô Thị H có nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền là 613.382.225 đồng (sáu trăm mười ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng) (bao gồm 533.380.225 đồng tiền gốc và 80.002.000 đồng tiền lãi) cho ông Trần Công B.

Kể từ kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông H và bà H phải chịu 28.535.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông B số tiền nộp tạm ứng án phí là 12.660.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001408 ngày 08/10/2021.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện D Châu;
 - Chi cục THADS huyện D Châu;
- TAND tỉnh N An;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quang Trung

